

RECEIVED

MAR 05 1985

3/8/85

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 1984

Trình gửi: HqDTNCTVN

5555 Colombia Pike Suite D

Arlington VA-22204

Tel: (703) 379-7111

Thưa Ông,

Tôi tên là Hoàng Trung SƠN, sinh năm 1939 tại Quảng-Bình, căn cước cũ số 00242465 cấp tại Gia-Định ngày tháng 9 năm 1969.

Số điện cơ: 199403.

Hiện cư ngụ tại Đồi I, Nông-Trường Cao-xu-Trang-Bom I, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng-Nai.

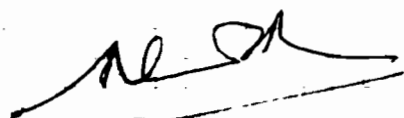
Gia đình tôi gồm có:

- 1) - vợ Lê Thị Hạ sinh năm 1941 tại Bạc Liêu, nghề nghiệp công nhân Cao-xu-Trang Bom I.
Địa chỉ Đồi I Nông-Trường Cao-xu-Trang Bom I, TN.
 - 2) - con Hoàng-Trung-Lâm 1960 tại Kiên Giang, Công-nhân Nông-Trường Cao-xu-Trang Bom I, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng
 - 3) - con Hoàng-Trung-Thái 1965 tại Bạc Liêu - nt -
 - 4) - con Hoàng-Thị-Lê-Hưng 1969 tại Gia-Định học sinh, tên chi - nt -
 - 5) - con Hoàng-Trung-Thị 1973 tại Saigon - nt -
 - 6) - con Hoàng-Lê-Hưng 1975 tại Saigon - nt -
- Hiện do tôi nuôi dưỡng.

Kính xin Ông, với lòng nhân đạo giúp đỡ gia đình chúng tôi.

Chân-thành cảm ơn Ông. -

Ký tên,



Hoàng-Trung-Sơn

Kính đính kèm:

- Foto giấy ra trại

- Foto giấy hôn thú

- Địa chỉ liên lạc: Mr. Hoàng-Dinh-Thục

QUESTIONNAIRE FOR ODF APPLICANTS

Câu hỏi cho người nộp đơn

Date :
Ngày :

A. Basic identification Lý lịch căn bản

1. Name HOANG TRUNG SON
Họ tên
2. Other names
Họ tên khác
3. Date/Place of birth 25-03-1939 Quảng-Bình
Ngày/ Nơi sinh
4. Residence address, Đội B, Nông-Trường-Cao-mi-Trang-Bom I
Địa chỉ thường trú huyện Thống-Nhất, tỉnh Đồng-Nai
5. Mailing address 140/16, Phan-Văn-Tri, quận Bình-Thạnh,
Địa chỉ thư từ Thành-phố Hồ-Chí-Minh.
6. Current occupation (Thiếu-nữ Cảnh-sát Đặc-Biệt).
Nghề nghiệp hiện nay là Công-nhân Nông-Trường-Cao-mi-Trang Bom I.

B. Relatives to accompany me Bà con cùng đi với tôi

Note : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M), divorced (D), Widowed (W) or Single (S).

Lưu ý : Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W) hoặc độc thân (S).

Name Họ, tên	Date of birth Ngày/thang/năm sinh	Place of birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng	Relationship GD Liên hệ gia đình
1. Lê Thị Hà	1941	Bạc Liêu	Nữ		Vợ
2. Hoàng Trung Lâm	30.11.1960	Tân Bình, Kiên Giang	Nam	Độc thân	Con
3. Hoàng Trung Hải	18.10.1965	Rạch Giá, Kiên Giang	Nam	Độc thân	Con
4. Hoàng Thị Lê Thủy	25.07.1969	Saigon	Nữ	Độc thân	Con
5. Hoàng Trung Hết	10.04.1973	Saigon	Nam	-	Con
6. Hoàng - Lê - Hồng	16.01.1975	Saigon	Nam	-	Con

Note : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificate, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse death certificate (if widowed), identification card (if available) and photos. If any of the above accompanying

relatives do not live with you, please note their addresses in section below.

Chú ý : Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần 1 bản khai sinh, giấy thu (nếu lập gia đình), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử người vợ/chồng (nếu góa, phụ/góa, thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu ba con sẽ cùng đi với bạn không ở chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần

C. Relatives outside Việt nam
Họ hàng ở ngoài quốc

1. Closest relatives in the U.S.
Ba con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

- a. Name **Hoàng - Đình - Thục**
Họ, tên
- b. Relationship **con chú - bác**
Liên hệ gia đình
- c. Address
Địa chỉ

2. Closest relatives in foreign countries
Ba con thân thuộc nhất ở các nước khác

- a. Name
Họ, tên
- b. Relationship
Liên hệ gia đình
- c. Address

D. Complete family listing (living/dead)
Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

Name
Họ, tên

Address
Địa chỉ

-
1. Father **Hoàng - Nhàn** (Chai) (chết năm 1977)
Cha
2. Mother **Nguyễn - Thị - Thuý** (mẹ), Xuân Hòa, Quảng Trạch, Quảng Bình
Mẹ
3. Spouse (Vợ/chồng) **Lê Thị Hà**, to 8, Đ. B, Ngã tư các xã Trưng B. I
4. Former spouse (if any) **Nguyễn Thiệu - Phát**, tỉnh Đồng - Nai
Vợ/chồng trước (nếu có)
5. Children
Con cái
- | | | |
|-----|--------------------------------|--------|
| (1) | Hoàng - Trung - Lãng | - nh - |
| (2) | Hoàng - Trung - Hải | - nh - |
| (3) | Hoàng - Thị - Lê - Hằng | - nh - |
| (4) | Hoàng - Trung - Hà | - nh - |
| | Hoàng - Lê - Hùng | - nh - |

6. Siblings

Anh/chị em (1) Hoàng - Đôn, Xuân Hòa, Quảng Trích, Quảng Trí
 (2) Hoàng - Đôn - nt -
 (3) Hoàng - Đôn - nt -
 (4) Hoàng - Đôn - nt -
 (5) Hoàng - Đôn - nt -

E. Employment of you/your spouse by U.S. government or U.S. companies
 Bạn hoặc vợ/chồng bạn đã có làm việc cho công sở của Chính phủ Mỹ
 hoặc Hãng Mỹ.

1. Name of person employed Hoàng Trung Sơn
 Họ, tên nhân viên
2. Dates From 1963 to 1967
 Ngày/tháng/năm Từ tới
3. Title of last position held checker
 Chức vụ/công việc cuối cùng
4. Agency/Company/Office Navy - AIRFORCE Exchange
 Sở/Hãng/Văn phòng
5. Name of last supervisor CHITWOOD
 Tên họ người giám thị
6. Reason for leaving Called into service in the Vietnamese military
 Lý do ra đi
7. Training for job in Việt nam Trường Cảnh sát Vũng Tàu, Thủ Đức
 Nghề nghiệp huấn luyện tại Việt nam

F. Service with GVN or RVNAP by you or your spouse
 Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với chính phủ Việt nam

1. Name of person serving Hoàng Trung Sơn
 Tên họ người tham gia
2. Dates From 1968 to 1975
 Ngày tháng/năm Từ đến
3. Last rank Thiếu úy Cảnh sát Đặc Biệt
 Cấp bậc cuối cùng
4. Ministry/Office/Military unit Khảo Cảnh sát Đặc Biệt
 Bộ/Sở/Đơn vị/Binh chủng
5. Name of supervisor/C.O.
 Tên họ người giám thị/Sĩ quan chỉ huy Trương Văn Cui, Trung tá
6. Reason for leaving Liberation day of Vietnam (APRIL 30th, 1975)
 Lý do ra đi
7. Name of American advisors Không nhớ
 Tên họ cố vấn Mỹ
8. U.S. training courses in Việt nam
 Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt nam

9. U.S. awards or certificates

Giấy ban khen hoặc chứng thư do Hoa Kỳ cấp *không*

Note : Please attach any copies or diplomas, awards or certificates, if available. A available. Yes....No....

Chú ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy ban khen hoặc chứng thư, nếu có. Đường sự có không. Có....Không.... *không*

G. Training outside Việt nam of you/your spouse

Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoại quốc *không*

1. Name of student/trainee

Họ, tên sinh viên, người được huấn luyện

2. School and school address

Trường và địa chỉ nhà trường

3. Dates

Ngày/tháng/năm

From

To

to

until

4. Description of courses

Mô tả ngành học

5. Who paid for training ?

Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

Note : Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available. Yes.....No.....

Chú ý: Xin bạn kèm theo Văn bằng, hoặc chỉ thị, nếu có. Bạn có hay không? Có....Không

H. Re-education of you/your spouse

Bạn hoặc vợ/chồng đã đi học tập cải tạo.

1. Name of person in re-education

Họ, tên người đi học tập cải tạo

Hoàng Trung Sơn

2. Total time in re-education

Tổng cộng thời gian cải tạo

07

years

năm

03

months

tháng

18

days

ngày

3. Still in re-education ?

Vẫn còn học tập cải tạo ?

X

Yes

No

X

Co

không

* If released, we must have a copy of your release certificate

* Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.

I. Any additional remarks

Còn chú phụ thêm

-01 bản sao giấy được thả (rời) số 694/GRT ngày 14/9/82

-01 bản sao bản thảo số 08 ngày 08/7/1957

-05 bản sao khai trình

Signature

Ký tên

Date

Ngày

25-12-1984

J. Please list here all documents attached to this questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này.

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ- PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ KINH-LƯƠNG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH LAO TÂN HƯNG

(Extrait du registre des actes de naissance)

NĂM 1960
(Année)

TỈNH KINH-LƯƠNG

(NAM-PHÂN)
(Sud-Vietnam)

SỐ HIỆU 105
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Hoàng-Trung-Lân</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nam</u>
Sanh ngày nào (Date de naissance)	<u>Ngày tháng năm một năm một nghìn c in trên sau này</u>
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	<u>Xã Tân-Hưng</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Hoàng-Trung-Lân</u>
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	<u>Làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Xã Tân-Hưng</u>
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	<u>Lê-Thị-Tạ</u>
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	<u>Làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Xã Tân-Hưng</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Chánh</u>

Chúng tôi, _____
(Nous)

Chánh-án Toà _____
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Ngô-Văn-Lân
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme),



_____ ngày _____ 1960
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT).

Giá tiền : _____
(Coût)
Biên-lai số : _____
(Gestance N°)
Chữ: _____
Ngày 20-07-1968 của
Bộ-Tư-Pháp)

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Thị trấn Bến Bè
Thị xã Quận Cần Bình
Thành phố, Tỉnh Minh Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/73

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 26

Quyển số 4

Họ và tên :	<u>HOÀNG TRUNG HẢI</u>		Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm :	<u>mười sáu tháng mười</u> <u>năm một nghìn chín trăm sáu mươi</u>		
Nơi sinh	<u>Bến Bè Kiên Giang</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Huỳnh Trung Sơn</u> <u>25 03 1939</u>	<u>Lê Thị Hà</u> <u>1941</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	<u>Ấp Kinh 8 Xã Phú Bình</u> <u>Thị trấn Minh Hải</u> <u>Lâm Đồng</u>	<u>Ấp Kinh 8 Xã Bình Tân</u> <u>Thị trấn Minh Hải</u> <u>Lâm Đồng</u>	
Họ, tên tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Thị Hà</u> <u>Ấp Kinh 8 Xã Bến Bè</u> <u>Thị trấn Minh Hải</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 7 năm 1984

TM. UBND Bến Bè tên đóng dấu

Đăng ký ngày 10 tháng 08 năm 1978

(ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(Đã Ký)

Nguyễn Minh Trí

Chú Trích
2 Thanh
Lưu Văn Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã. Thị trấn Bạch Tân
Thị xã Quận Chợ Bưởi
Thành phố, Tỉnh Minh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT238

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 29

Quyển số 4

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên :	<u>HOÀNG LÊ HÙNG</u>		Nam, nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm :	<u>ngày mười sáu tháng giêng</u> <u>năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm</u> <u>(16-01-1975)</u>		
Nơi sinh	<u>Thành phố Tây Hà Tĩnh</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>HOÀNG TRUNG SƠN</u> <u>25-03-1979</u>	<u>LÊ THỊ HÀ</u> <u>1941</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	<u>Làm ruộng</u> <u>Xã Bạch Tân Thị trấn Chợ Bưởi</u> <u>Minh Hải</u>		
Họ, tên tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	<u>Lê Thị Hà</u> <u>Đp Khu 8 xã Bạch Tân Thị trấn Chợ Bưởi</u> <u>Minh Hải</u>		

NHÂN THỰC SAO ỦY BAN CHÁNH

Ngày 16 tháng 9 năm 1980

TEL UBND Bạch Tân tên đóng dấu

Chức tịch
2 Thanh
Lâm Văn Thanh

Đang ký ngày 10 tháng 8 năm 1978

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Phó Chủ tịch Khu trưởng CA 1

Phó Chủ tịch Khu trưởng CA 1

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Thị trấn Bến Hải Tân
Thị xã Quảng Trị
Thành phố, Tỉnh Minh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mã HT 263

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 97
Quyển số 4

Họ và tên :	HOÀNG THỊ LỆ HẰNG		Nam, nữ : <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm :	<u>ngày hai mươi lăm tháng bảy</u> <u>năm một nghìn chín trăm sáu mươi chín</u> <u>(25 - 07 - 1969)</u>		
Nơi sinh	<u>Quận Bến Hải, Quảng Trị</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	HOÀNG TRUNG SƠN <u>25 - 03 - 1939</u>	LÊ THỊ HÀ <u>1941</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Viet Kinh</u> <u>Viet Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Viet Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKK thường trú	<u>Làm ruộng</u> <u>xã Bến Hải Tân, Thị trấn</u> <u>Quảng Trị</u>	<u>Làm ruộng</u> <u>xã Bến Hải Tân, Thị trấn</u> <u>Minh Hải</u>	
Họ, tên tuổi, nơi ĐKK thường trú, số giấy chứng sinh hoặc CNCC của người đăng khai	<u>Lê Thị Hà</u> <u>Ấp Khe 8 xã Bến Hải Tân, Thị trấn</u> <u>Quảng Trị</u>		

NHÂN THỰC SAO ỦY BAN CHÁNH

Ngày 16 tháng 7 năm 1969

Tên UBND Bến Hải Tân tên đóng dấu



Đăng ký ngày 10 tháng 8 năm 1968

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Phó Chủ tịch Ủy ban Trưởng cơ



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Trị trấn Bà Rịa
Thị xã Quơn Thị Bình
Thành phố, Tỉnh Miền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

MR. STONE:

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

66-28

Quyển số 4

Họ và tên :	HOÀNG TRUNG HÀ		Nam, nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm :	ngày mùng tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba (10 - 04 - 1973)		
Nơi sinh	Quận Tân Bình - Gia Định		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh	HOÀNG TRUNG SƠN 25 - 03 - 1939	LÊ THỊ HÀ 1941	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Làm nông	Làm nông	
Nơi ĐKKK thường trú	Xã Biên Hòa Tân Thới Bình Mình Mè	Xã Biên Hòa Tân Thới Bình Mình Mè	
Họ, tên tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	Lê Thị Hà Xã Kinh 8 Xã - Biên Hòa Tân Thới Bình - Minh Mè		

NGHÂN THỰC SẠO T. BÀN CHANH

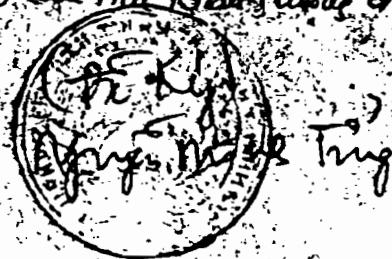
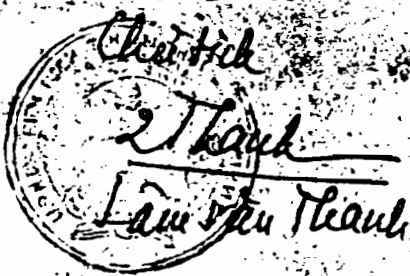
Ngày 16 tháng 2 năm 1981

TKL UBND Bà Rịa lên đóng dấu

Đã ký ngày 10 tháng 8 năm 1978

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Pháp Quốc, Việt Nam, Đông Dương và



MẪU DƠN VỀ LÝ LỊCH
TỰ Ý MUỐN GỎI HAY KHÔNG

N.B. PLEASE DO NOT SEND THIS FORM IF YOU DO NOT WISH TO PROVIDE INFORMATION.

PRISONER'S
NAME (TÊN TÙ NHÂN) : Hoàng Trung Sơn
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 03 25 1939
(NĂM, NƠI SINH ĐÈ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : ☒ Female (Nữ) : ☐

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : ☐ Married (có lập gia đình) : ☒
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : _____
(Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ☒ No (Không) : ☐
: If yes (nếu có) : From (Từ) : 1975 To (Đến) : 09-14-82

PLACE OF RE-EDUCATION : _____
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : _____

EDUCATION IN U.S. : _____
(ĐU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : Lieutenant Police

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : _____ Date (Năm) : _____
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : ☐ IV Number (số hồ sơ) : _____ No (Không) : ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : _____
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN : _____
(Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : Hoàng đình Thue
(Tên, Địa chỉ Thân nhân : hay Người Bảo Trò) PA 19372

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : ☐ No (Không) : ☐

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : _____

NAME AND SIGNATURE : Cousin
ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, BT của người điền đơn này)

DATE : _____

FR Mr. Thuc D. Hoang



To: HGD TN CT V. N.

ARLINGTON 111 99901

MIN 55 230432C1 03/04/85
NOTIFY SENDER OF NEW ADDRESS
MINH KHUC THO
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635